TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2026/DS-ST
Ngày 22- 5 -2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.
2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2026/TLST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 265/2026/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần N, địa chỉ: Số A đường T, phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Thành T1, chức vụ: Tổng giám đốc V chi nhánh B.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Vũ Thị Phong L, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch VSHIP thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần N, là người đại diện theo ủy quyền lại (văn bản ủy quyền số 3146 ngày 11/12/2025), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Đặng Văn D, sinh năm 1984; địa chỉ: K khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/12/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Vũ Thị Phong L trình bày:

Ngày 07/12/2021, ông Đặng Văn D ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần N (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V1 kiêm hợp đồng số 02804.TDCN.2021.24808.HDDT. Căn cứ nhu cầu và điều kiện của ông D, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng V1 Visa số thẻ V9990296673 với hạn mức sử dụng 50.000.000 đồng nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ của Ngân hàng, ông D đã không thanh toán nghĩa vụ thẻ tín dụng kể từ kỳ ký sao kê tháng 11/2024 và bị chuyển nợ nhóm 2 từ ngày 10/12/2024, song song với thông báo quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện, gửi thư thông báo và yêu cầu thanh toán khoản nợ quá hạn nhưng ông D vẫn không hợp tác và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn theo quy định của hợp đồng. Khoản nợ của ông D đang phát sinh lãi quá hạn nhóm 5 (nợ xấu) kể từ ngày 11/6/2025. Tính đến ngày 22/5/2026, ông Đặng Văn D còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 79.288.378 đồng, gồm nợ gốc là 49.998.259 đồng, nợ lãi là 14.690.240 đồng, phí và lãi phạt 14.599.888 đồng. Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đặng Văn D phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nêu trên. Đồng thời, yêu cầu ông D tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 23/5/2026 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất, phí quy định đối với thẻ tín dụng V1 Visa có mã tài khoản thẻ V9990296673.

Bị đơn ông Đặng Văn D: Quá trình tố tụng ông D đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, tống đạt các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập ông D để tham gia các phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 30/3/2026, 29/4/2026 nhưng vắng mặt không lý do, vì vậy Tòa án căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N khởi kiện yêu cầu ông Đặng Văn D thanh toán khoản nợ từ hợp đồng cho vay. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn ông D có địa chỉ cư trú tại K khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; bị đơn ông D đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 207, 227 và 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét, hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn giao dịch tín dụng cho vay theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V1 kiêm hợp đồng số 02804.TDCN.2021.24808.HDDT ngày 07/12/2021 được giao kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N và bị đơn ông Đặng Văn D do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của các bên, thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận, không trái quy định pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực, các bên phải thực hiện.

[2.2] Đối với bị đơn, quá trình tố tụng giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông D, để ông D có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông D vắng mặt trong suốt thời gian tố tụng giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tụng dân sự quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*". Bị đơn, ông D có quyền đưa ra các chứng cứ để chấp nhận hoặc bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng ông D không thực hiện xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình.

[2.3] Căn cứ Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V1 kiêm hợp đồng số 02804.TDCN.2021.24808.HDDT ngày 07/12/2021, bản báo cáo chi tiết khách hàng vay cá nhân, kỳ sao kê tháng 11/2024 ông D còn nợ Ngân hàng với số tiền 49.988.259 đồng và bị chuyển nợ nhóm 2 từ ngày 10/12/2024, sau đó ông D không thanh toán nợ gốc và không thanh toán tiền lãi theo đúng thỏa thuận cho Ngân hàng. Khoản nợ của ông D đang phát sinh lãi quá hạn nhóm 5 (nợ xấu) kể từ ngày 11/6/2025. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N yêu cầu buộc bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 22/5/2026 tổng số tiền là 79.288.378 đồng, gồm nợ gốc là 49.998.259 đồng, nợ lãi là 14.690.240 đồng, phí và lãi phạt 14.599.888 đồng là có

căn cứ. Ông D phải tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án xét xử cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ theo thỏa thuận giữa hai bên.

[3] Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N đối với bị đơn ông Đặng Văn D về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Đặng Văn D thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền tính đến hết ngày 22/5/2026 tổng số tiền là 79.288.378 đồng, gồm nợ gốc là 49.998.259 đồng, nợ lãi là 14.690.240 đồng, phí và lãi phạt 14.599.888 đồng

Kể từ ngày 23/5/2026, ông Đặng Văn D tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 07/12/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Văn D phải chịu 3.964.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần N 1.792.745 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005507 ngày 16/01/2026 của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 16 (1);
- Phòng THADS khu vực 16(1);
- TAND khu vực 16 (1);
- Lưu: VT, HSVA (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Linh